CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số/No.: 763 /CV-TST	**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận quý 03 năm 2026 so với cùng kỳ năm trước./Explanation of profit fluctuations in the third quarter of 2026 compared to the same period last year.	**Independence - Freedom – Happiness**
	TP HCM, ngày 28 tháng 10 năm 2026
	Ho Chi Minh City, October 28, 2026

Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam
Digitally signed by Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300408946, CN=Công Ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Việt Nam, S=Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026.10.29 15:17:21+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.1

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

Tên tổ chức / *Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG VIỆT NAM/ VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY.

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: VPS

Địa chỉ trụ sở chính: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

Address: 102 Nguyen Đinh Chieu, Ward: Tan Dinh, Ho Chi Minh City.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán./Follow Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding information disclosure on the stock market.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2026 của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam./ Based on the Separate Financial Statements and the Consolidated Financial Statements for the third quarter of 2026 of Vietnam Pesticide Joint Stock Company.

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:/We would like to explain the case where the profit after tax differs by more than 10% compared to the same period last year, as follows:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG/SEPARATELY REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	115.454.388.330	146.657.414.311	(31.203.025.981)	-21,3%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	4.096.820.383	9.720.576.470	(5.623.756.087)	-57,9%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	111.357.567.947	136.936.837.841	(25.579.269.894)	-18,7%

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	79.502.784.346	89.850.766.169	(10.347.981.823)	-11,5%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	31.854.783.601	47.086.071.672	(15.231.288.071)	-32,3%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	2.820.173.453	680.528.810	2.139.644.643	314,4%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	2.280.259.337	2.472.953.538	(192.694.201)	-7,8%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	15.792.846.469	20.637.625.178	(4.844.778.709)	-23,5%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	12.047.810.135	18.048.962.400	(6.001.152.265)	-33,2%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	4.554.041.113	6.607.059.366	(2.053.018.253)	-31,1%
11	Lợi nhuận khác/Other income	- 1.375.876.375	55.644.552	(1.431.520.927)	- 2572,6%
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	3.178.164.738	6.662.703.918	(3.484.539.180)	-52,3%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	1.058.675.144	5.738.762.149	(4.680.087.005)	-81,6%

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT/CONSOLIDATED REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	130.820.414.530	158.163.036.511	(27.342.621.981)	-17,3%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	4.096.820.383	9.720.576.470	(5.623.756.087)	-57,9%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	126.723.594.147	148.442.460.041	(21.718.865.894)	-14,6%
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	91.932.209.092	98.492.425.583	(6.560.216.491)	-6,7%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	34.791.385.055	49.950.034.458	(15.158.649.403)	-30,3%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	3.165.492.072	881.555.762	2.283.936.310	259,1%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	2.295.290.161	2.519.727.538	(224.437.377)	-8,9%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	16.172.329.791	20.952.757.661	(4.780.427.870)	-22,8%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	13.411.191.055	19.356.378.507	(5.945.187.452)	-30,7%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	6.078.066.120	7.838.183.260	(1.760.117.140)	-22,5%
11	Lợi nhuận khác/Other income	- 1.298.603.648	55.644.552	(1.354.248.200)	-2433,7%
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	4.779.462.472	7.893.827.812	(3.114.365.340)	-39,5%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	2.330.433.327	6.681.152.614	(4.350.719.287)	-65,1%

Trong quý III/2026, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty giảm lần lượt 31,2 tỷ đồng và 27,3 tỷ đồng, tương ứng giảm 21,3% và 17,3% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần tăng, chủ yếu do ảnh hưởng của nhóm sản phẩm thương mại, làm tỷ suất lợi nhuận gộp trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất giảm tương ứng. Những biến động này làm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh giảm so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời, khoản lợi nhuận khác chuyển từ lãi trong cùng kỳ năm trước sang lỗ trong quý III/2026, góp phần làm lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm so với cùng kỳ.

In the third quarter of 2026, revenue from sales of goods and rendering of services in the Company's separate and consolidated financial statements decreased by VND 31.2 billion and VND 27.3 billion, respectively, representing decreases of 21.3% and 17.3% compared with the same period last year. In addition, the cost of goods sold to net revenue ratio increased, mainly due to the impact of the trading products group, resulting in a corresponding decrease in gross profit margins in the separate and consolidated financial statements. These changes led to a decrease in operating profit compared with the same period last year. Furthermore, other profit turned from a profit in the same period last year to a loss in the third quarter of 2026, contributing to the decrease in the Company's profit before tax and profit after tax compared with the same period last year.

Trân trọng/Best regards.

Tổng giám đốc
General Director

Nơi nhận/Recipient:
- Như trên/ As above;
- Lưu: Văn thư, Phòng kế toán /Archives: Admin Office, Accountant Dept.

NGUYỄN THÂN